

UNIT 8: WHAT ARE YOU READING?

I. VOCABULARY

English	Vietnamese
1.	Truyện cáo và quạ
2.	Nàng Bạch Tuyết và 7 Chú lùn
3.	Sự tích Mai An Tiêm
4.	A-la-đanh và Cây đèn thần
5.	Sự tích Thánh Gióng
6.	ngốc nghếch
7.	tốt bụng
8.	hào phóng
9.	độc ác
10.	lanh lợi, thông minh
11.	chăm chỉ
12.	bánh bao, gợn gàng
13.	đẹp trai
14.	thông minh, sáng dạ
15.	nhẹ nhàng, thanh lịch
16.	dũng cảm, gan dạ
17.	xinh đẹp
18.	lý thú, hồi hộp
19.	thú vị
20.	nhân vật chính

II. GRAMMAR

	<i>Cậu đang đọc gì vậy?</i>
	<i>Tớ đang đọc sự tích Mai An Tiêm.</i>
	<i>Ai là nhân vật chính vậy?</i>
	<i>Đó là Mai An Tiêm.</i>
	<i>Mai An Tiêm là người thế nào?</i>
	<i>Anh ấy rất chăm chỉ.</i>
	<i>Cô ấy đang đọc gì vậy?</i>
	<i>Cô ấy đang đọc truyện “Nàng Bạch Tuyết và 7 chú lùn”.</i>
	<i>Ai là nhân vật chính vậy?</i>
	<i>Đó là Bạch Tuyết.</i>
	<i>Bạch Tuyết là người thế nào?</i>
	<i>Cô ấy rất xinh đẹp.</i>
	<i>Anh ấy đang đọc gì vậy?</i>
	<i>Anh ấy đang đọc truyện Aladanh và cây đèn thần</i>
	<i>Ai là nhân vật ch</i>
	<i>Đó là Aladanh.</i>
	<i>Anh ấy là người thế nào?</i>
	<i>Anh ấy rất hào phóng.</i>